

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2018

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHÓA 17 TRUNG CẤP VÀ CÁC KHOA CỬ THI LẠI
Kỳ thi Tháng 6/2018

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI		
						TOÁN	LÝ	HOÁ
1	17003657	Nguyễn Văn	Ân	19/05/1998	17T2-ĐCN1	6.0	4.5	5.0
2	17002441	Nguyễn Hoàng	Anh	29/06/1998	17T2-ĐCN1	V	V	V
3	17004595	Quý Tâm	Điền	15/11/1997	17T2-ĐCN1		7.0	8.0
4	17004103	Lê Minh	Đức	19/09/1999	17T2-ĐCN1	6.0	6.0	7.0
5	17002754	Nguyễn Minh	Đức	14/02/1997	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	
6	17004852	Nguyễn Đức	Duy	08/10/1997	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	9.0
7	17001168	Lê Minh	Hậu	21/06/1998	17T2-ĐCN1	6.5	6.0	8.5
8	17004525	Lê Quang	Huy	15/11/1999	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	7.5
9	17000568	Nguyễn Xuân	Huy	04/05/1998	17T2-ĐCN1	8.0	6.0	8.5
10	17000921	Trần Trung	Kiên	01/06/1998	17T2-ĐCN1	5.5	7.0	7.0
11	17003798	Nguyễn Phương	Nghĩa	01/01/1999	17T2-ĐCN1	5.5	3.5	5.0
12	17001199	Phạm Minh	Nghĩa	27/08/1999	17T2-ĐCN1	7.5	2.5	5.5
13	17003760	Nguyễn Thành	Nhân	12/01/1997	17T2-ĐCN1	7.0	5.0	8.0
14	17002861	Nguyễn Thanh	Phi	10/03/1999	17T2-ĐCN1	7.0	5.5	7.0
15	17000166	Huỳnh Thanh	Phương	14/11/1994	17T2-ĐCN1	7.5	5.0	8.0
16	17003915	Đỗ Minh	Quân	22/07/1997	17T2-ĐCN1	8.5		8.0
17	17000937	Nguyễn Ngọc	Quý	04/02/1998	17T2-ĐCN1	7.5	4.0	7.0
18	17003554	Trần Giang	Sơn	28/11/1999	17T2-ĐCN1	6.0	0.5	5.5
19	17001296	Trần Văn	Sơn	04/04/1999	17T2-ĐCN1	5.0	0.5	0.0
20	17003825	Trần Thanh	Tâm	17/09/1999	17T2-ĐCN1	6.0	3.0	5.0
21	17001481	Lê Anh	Tuấn	02/11/1999	17T2-ĐCN1	6.0	3.0	5.0
22	17004755	Lê Anh	Tuấn	08/11/1998	17T2-ĐCN1	7.5	3.0	7.0
23	17000696	Nguyễn Trọng	Tuấn	22/08/1995	17T2-ĐCN1	7.5	4.0	6.0
24	17000425	Lê Huỳnh Khánh	Đại	19/08/1996	17T2-QTM1	7.5	5.5	6.5
25	17004391	Trần Anh	Dũng	15/09/1999	17T2-QTM1	V	0.5	5.0
26	17003459	Phan Trần Nhật	Duy	10/10/1998	17T2-QTM1	V	V	1V

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI		
						TOÁN	LÝ	HOÁ
27	17004655	Nguyễn	Hoàng	01/06/1998	17T2-QTM1			3.0
28	17003604	Đoàn Nguyễn Quốc	Huy	02/06/1999	17T2-QTM1	7.0	5.5	5.0
29	17004528	Lê Đức	Huy	07/06/1999	17T2-QTM1	7.5	8.0	5.5
30	17003721	Tô Duy Quang	Huy	10/09/1997	17T2-QTM1	5.5	8.0	5.0
31	17002530	Nguyễn Bá	Khang	17/10/1997	17T2-QTM1	7.5	5.5	7.5
32	17001119	Vương Nguyễn Uyên	Linh	31/01/1997	17T2-QTM1	V	V	V
33	17003369	Trương Hoàng	Luân	03/12/1999	17T2-QTM1	5.0	5.0	6.5
34	17004169	Phạm Quang	Nghĩa	06/11/1999	17T2-QTM1	6.0	5.5	6.5
35	17001995	Lê Phương Bảo	Ngọc	29/09/1999	17T2-QTM1	5.0	4.5	5.0
36	17000052	Nguyễn Trung	Nhật	24/01/1997	17T2-QTM1	7.5	9.0	7.5
37	17004467	Bành Lưu Danh	Phước	26/11/1997	17T2-QTM1	10.0	9.5	7.0
38	17003752	Lưu Anh	Phương	12/06/1997	17T2-QTM1	8.5	7.0	6.5
39	17001178	Trần Khải	Quân	13/10/1996	17T2-QTM1	8.5	7.0	6.5
40	17003423	Nguyễn Hoàng	Qui	25/07/1998	17T2-QTM1	5.0	9.0	9.5
41	17004057	Nguyễn Kim	Sang	12/01/1999	17T2-QTM1	3.0	5.0	8.5
42	17004794	Nguyễn Văn	Sáng	18/09/1997	17T2-QTM1	6.5	6.0	8.5
43	17002497	Nguyễn Đức	Thắng	03/11/1997	17T2-QTM1	V	V	V
44	17002178	Phạm Thái	Thuận	29/06/1999	17T2-QTM1	5.5	6.0	7.0
45	17003678	Đặng Thanh	Tùng	01/02/1998	17T2-QTM1	5.5	7.0	7.5
46	17002511	Võ Phương	Uyên	17/07/1999	17T2-QTM1	6.0	4.0	7.5
47	15001403	Trần Văn	Thi	15/04/1996	15TCT-Đ	6.5	5.0	8.0
48	15000105	Đinh Trần Quang	Trung	08/02/2000	15TC-Đ	6.5	7.0	8.0
49	15001817	Nguyễn Sĩ	Nguyên	19/03/2000	15TC-Đ	7.5	7.0	8.0
50	16003330	Võ Hoàng	Luân	21/09/1995	16TCT-Đ	V	V	
51	15002827	Nguyễn Anh	Đạo	28/08/1997	15TCT-Ô	5.0		
52	15001632	Lê Tấn	Tiến	07/05/1996	15TCT-Ô	2.0		
53	16003500	Lữ Tuấn	Hào	24/12/1998	16TCT-Ô1			8.5
54	16003653	Nguyễn Anh	Hào	08/12/1996	16TCT-Ô1			7.5
55	16002801	Nguyễn Hoàng	Linh	28/02/1998	16TCT-Ô1			8.5
56	16003540	Phan Văn	Công	23/03/1997	16TCT-Ô2	V		
57	16001784	Lê Minh	Quang	06/11/1998	16TCT-QTM	8.0	8.0	9.0
58	16001884	Nguyễn Hoàng Minh	Triết	01/07/1998	16TCT-QTM	8.0	7.0	9.0

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI		
						TOÁN	LÝ	HOÁ
59	15000212	Nguyễn Hoàng	Duy	13/08/2000	15TCN-ĐT	6.5	4.5	8.5
60	15000032	Lê Đỗ Quang	Huy	30/08/2000	15TCN-ĐT	8.0	7.0	8.0
61	15000081	Dương Hiền	Vinh	21/09/2000	15TCN-ĐT	3.5	5.5	8.5
62	15000167	Nguyễn Công	Danh	13/02/2000	15TCN-Đ	3.0	1.0	6.0
63	15000111	Lê Trần	Đức	21/09/2000	15TCN-Đ	3.5	3.0	6.0
64	15000059	Nguyễn Quốc Văn	Son	17/03/2000	15TCN-Đ	5.0	3.0	6.0
65	15000173	Nguyễn Vũ Tấn	Phát	17/01/2000	15TCN-Ô1	6.0		
66	15001821	Nguyễn Hoàng	Khang	22/10/2000	15TCN-QTM1	5.5		
67	15001022	Đỗ Trần	Long	05/07/2000	15TCN-QTM1	7.5	5.0	8.5
68	15000160	Nguyễn Thái Hoàng	Long	15/09/2000	15TCN-QTM1	7.5	5.0	9.0
69	15000253	Phạm Nhật	Phong	04/07/2000	15TCN-QTM1	6.5	5.0	8.5
70	15001630	Trần Thuận	Tân	16/05/2000	15TCN-QTM1	6.5	5.5	8.5
71	15000037	Nguyễn Xuân	Thoái	17/11/1999	15TCN-QTM1	5.5	5.5	8.5
72	15002015	Tổng Ngọc	Thiện	24/09/2000	15TCN-QTM1	6.5	6.0	8.5
73	15003431	Trương Quốc	Trung	15/10/1998	15TCN-QTM1	7.5	6.0	8.5
74	15000950	Nguyễn Thị Hương	Nhã	04/01/2000	15TCN-MTT	5.0	4.5	6.0
75	15000166	Nguyễn Đăng	Đạt	24/8/2000	15TCN-QTM1	7.5		
76	15000219	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	28/9/2000	15TCN-Ô1	7.5	6.0	5.0
77	15000186	Hoàng Xuân	Đức	15/02/2000	15TCN-Ô1	5.5	6.5	6.5
78	15000133	Đỗ Nguyễn Duy	Khang	05/6/2000	15TCN-Ô1	5.0	6.0	6.0
79	15002194	Nguyễn Phi	Long	13/02/2000	15TCN-Ô1	5.5	7.0	8.0
80	15000065	Phan Hồng	Phúc	05/3/2000	15TCN-Ô1	5.5	6.0	7.5

Tổng cộng danh sách có 80 HS.

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ